TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 20

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 9 503 325 đọc là:

A. chín triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi lăm

B. chín triệu năm trăm linh ba nghìn ba trăm hai mươi lăm

C. chín triệu năm trăm linh ba nghìn ba trăm hai mươi sáu

D. chín triệu năm trăm linh ba nghìn ba trăm ba mươi lăm

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 589 622, chữ số 6 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng chục, lớp đơn vị **B.** hàng nghìn, lớp đơn vị

C. hàng trăm, lớp đơn vị **D.** hàng trăm, lớp nghìn

Câu 3. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 59 810 đến 59 835?

A. 13 **B.** 14 **C.** 25 **D.** 12

Câu 4. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 12 hàng ghế, mỗi hàng 28 ghế, người ta kê thêm 43 ghế nhựa. Có 344 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 379 **B.** 35 **C.** 45 **D.** 78

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 3 với a = 1583, b = 362 là:

A. 1948 **B.** 2669 **C.** 5835 **D.** 2679

Câu 6. *(0,5 điểm)* Năm 1006 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XI **B.** thế kỉ X **C.** thế kỉ IX **D.** thế kỉ XII

Câu 7. *(0,5 điểm)* Hình bình hành có đặc điểm nào sau đây?

A. Có bốn góc vuông

B. Có bốn cạnh bằng nhau

C. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

D. Có hai cặp cạnh vuông góc

Câu 8. *(0,5 điểm)* Lúc 3 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc vuông **B.** góc bẹt **C.** góc tù **D.** góc nhọn

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 6 triệu, 8 chục nghìn, 3 trăm và 3 đơn vị viết là: ……

b) Số «tám mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn sáu trăm bảy mươi hai» viết là: ……

c) Làm tròn số 289 289 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 4 với a = 5712, b = 292: …….

b) m − n + p với m = 30 138, n = 12 135, p = 7810: …….

c) (x + 3010) × 2 với x = 600: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 330 465 + 105 180 = …….

b) 713 050 − 128 421 = …….

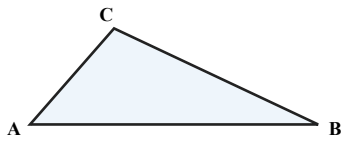
c) 10 917 × 3 = …….

d) 28 944 : 4 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Năm 1862 thuộc thế kỉ XVIII	
b) Số 508 220 là số lẻ	
c) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song	
d) 1 dm^2 = 10 cm^2	

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1533 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 545 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 20

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	B	B	A	C	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 6 080 303

b) 83 390 672

c) Chữ số hàng chục nghìn là 8 nên được 300 000

Câu 10.

a) 5712 + 292 × 4 = 5712 + 1168 = 6880

b) 30 138 − 12 135 + 7810 = 18 003 + 7810 = 25 813

c) (600 + 3010) × 2 = 3610 × 2 = 7220

Câu 11.

a) 330 465 + 105 180 = 435 645

b) 713 050 − 128 421 = 584 629

c) 10 917 × 3 = 32 751

d) 28 944 : 4 = 7236

Câu 12.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1533 × 3 = 4599 (kg)

Ngày thứ ba: 4599 − 545 = 4054 (kg)

Cả ba ngày: 1533 + 4599 + 4054 = 10 186 (kg)